

Số: 140/QĐ-VHNTQGVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình đào tạo Tiến sĩ
tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 4357/QĐ-BVHTT&DL ra ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 21/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số ngành đào tạo theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGD&ĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành "Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ";

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo;

Theo đề nghị của Trường Khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Khung chương trình đào tạo tiến sĩ tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam (có nội dung kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Khung chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng từ khóa XXII (2018 - 2021). Quyết định này thay thế quyết định số 146/QĐ-VHNTVN ngày 08 tháng 7 năm 2014 về việc ban hành Khung Chương trình đào tạo tiến sĩ tại Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam;

Điều 3. Trách nhiệm thi hành:

Khoa Sau đại học, các Phòng, Ban chức năng trực thuộc Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, các nghiên cứu sinh tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Nghiên cứu sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TV, SDH (01), MH.10.



Bùi Hoài Sơn

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 140/QĐ-VHNTQGVN, ngày 24 tháng 6 năm 2019

Của Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam)

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo 5 chuyên ngành: Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật, Lý luận và Lịch sử Nghệ thuật Sân khấu gồm 3 phần như sau: A. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, B. Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan; C. Nghiên cứu khoa học.

A. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

I. Các học phần chung

1. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu các ngành Văn hóa học và Nghệ thuật học;

Tổng số tín chỉ: 6 tín chỉ;

Học phần ngoại ngữ được giảng dạy và học tập cho 1 trong 6 ngoại ngữ: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật;

Học phần ngoại ngữ phải được hoàn thành trong 2 năm đầu quá trình học tập. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết;

Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh được cấp chứng chỉ ngoại ngữ chuyên ngành.

2. Một số vấn đề của văn hóa và nghệ thuật Việt Nam trong xã hội đương đại (2 tín chỉ)

3. Lý thuyết nghiên cứu văn hóa và nghệ thuật (1 tín chỉ)

4. Phương pháp nghiên cứu văn hóa và nghệ thuật (1 tín chỉ)

II. Các học phần cho từng chuyên ngành

1. Chuyên ngành Văn hóa học, Mã số: 9229040

1.1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Văn hóa học (1 tín chỉ)

1.2. Học phần tự chọn (do thầy hướng dẫn và nghiên cứu sinh đề xuất)

(2 tín chỉ)

2. Chuyên ngành Văn hóa dân gian, Mã số: 9229041

2.1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Văn hóa dân gian (1 tín chỉ)

2.2. Học phần tự chọn (do thầy hướng dẫn và nghiên cứu sinh đề xuất)

(2 tín chỉ)

3. Chuyên ngành Quản lý văn hóa, Mã số: 9319042

3.1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Quản lý văn hóa (1 tín chỉ)

3.2. Học phần tự chọn (do thầy hướng dẫn và nghiên cứu sinh đề xuất)

(1 tín chỉ)

*** NGÀNH NGHỆ THUẬT**

4. Chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật, Mã số: 9210101

4.1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật

(1 tín chỉ)

4.2. Học phần tự chọn (do thầy hướng dẫn và nghiên cứu sinh đề xuất)

(2 tín chỉ)

5. Chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Sân khấu, Mã số: 9210221

5.1. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Lý luận và Lịch sử Sân khấu

(1 tín chỉ)

5.2. Học phần tự chọn (do thầy hướng dẫn và nghiên cứu sinh đề xuất)

(2 tín chỉ)

B. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

I. Các chuyên đề

NCS tự chọn chuyên đề có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài luận án hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học để nghiên cứu.

Các chuyên đề tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 4 tín chỉ. Mỗi chuyên đề được đánh giá Đạt hoặc Không đạt ở một Tiểu ban chuyên môn (gồm 3 thành viên).

Hai chuyên đề gồm:

- Chuyên đề 1: nội dung của chuyên đề là áp dụng lý thuyết vào đề tài nghiên cứu (2 tín chỉ).
- Chuyên đề 2: nội dung của chuyên đề là trình bày kết quả nghiên cứu mới của luận án (2 tín chỉ).

II. Tiểu luận tổng quan

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Tiểu luận tổng quan được bảo vệ cùng với luận án tiến sĩ ở cấp thảo luận ở tổ bộ môn. Tiểu luận được đánh giá theo mức độ Đạt, Không đạt.

Tiểu luận tổng quan có độ dài từ 20 đến 50 trang A4, font chữ Times New Roman cỡ chữ 13 hoặc 14, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5 cm, lề dưới 3 cm, lề trái 3,5 cm, lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

C. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ ngành Văn hoá học và ngành Nghệ thuật học. Sau khi hoàn thành luận án, một trong những yêu cầu quan trọng nhất của NCS là vận dụng những kiến thức lý thuyết để giải quyết những vấn đề của thực tiễn và thực hiện công việc nghiên cứu của mình một cách độc lập.

Vì vậy, yêu cầu đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, khảo sát để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học, hoặc thiết kế giải pháp để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Do đó, vấn đề nghiên cứu phải là một vấn đề khoa học mới, chưa từng công bố trên các báo, tạp chí hoặc trong các hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học trong và ngoài nước.

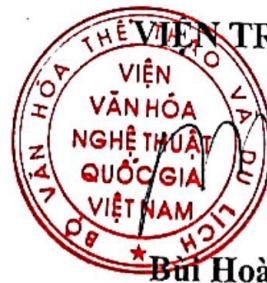
Nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Khoa Sau đại học và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Người hướng dẫn khoa học, các cán bộ nghiên cứu hỗ trợ và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc cơ sở đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

4. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học được tính cụ thể gồm:

- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành: 4 tín chỉ;
- Hội nghị thông báo khoa học của NCS: 02 bài hội nghị thông báo khoa học: 4 tín chỉ;
- Nghiên cứu thực tế, điền dã: 8 tín chỉ (sản phẩm 01 báo cáo điền dã)


Bùi Hoài Sơn